

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST.
Ngày 02 - 4 - 2024
V/v Ly hôn và chia tài sản khi ly
hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U, TỈNH C

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Việt Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Việt Bắc;

Ông Trần Công Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U, tỉnh C tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Bích Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 395/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Thị T, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng C;

Địa chỉ: số A, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội. Nơi nhận văn bản: Khóm 3 thị trấn U Minh huyện U, tỉnh C.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Ấp 5, xã H, huyện U, tỉnh C.

3. Bà Trịnh Kim P1 (tên gọi khác: Trịnh Thị M), sinh năm: 1981.

Địa chỉ: Ấp 9, xã K, huyện U, tỉnh C.

4. Bà Cao Thị T1, sinh năm: 1968;

5. Ông Nguyễn Tuấn K;

6. Bà Võ Thị L.

Cùng địa chỉ: Ấp 10, xã K, huyện U, tỉnh C.

(Bà L, bà H, ông K, bà P1, Ngân hàng X yêu cầu xét xử vắng mặt, các đương sự còn lại có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 23 tháng 11 năm 2023, các lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Cao Thị T trình bày:

Bà với ông P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện U, tỉnh C năm 2004. Quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn bất đồng ý kiến trong sinh hoạt hàng ngày và trong tính toán làm ăn, vợ chồng không tin tưởng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng gay gắt không thể hàn gắn, bà nhận thấy hôn nhân không thể tiếp tục nên yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Văn P.

Về con chung: có ba con chung tên Huỳnh Anh T2, sinh ngày 06/02/2002; Huỳnh Phương H2, sinh ngày 06/02/2002 và Huỳnh Cao M, sinh ngày 02/6/2007. Đối với Huỳnh Anh T2 và Huỳnh Phương H2 đã trưởng thành không yêu cầu; đối với Huỳnh Cao M hiện đang làm thuê, bà yêu cầu nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung có: 01 quyền sử dụng đất diện tích 1.446,7m² tọa lạc tại ấp 10, xã K, huyện U; 01 căn nhà trên đất diện tích 4,5 x 20m trị giá 80.000.000 đồng; 01 võ lãi Composit kích thước 1,5m x 9,2m trị giá 26.500.000 đồng; 01 máy xe 4 thì trị giá 80.000.000 đồng; 01 bộ salong trị giá 6.000.000 đồng, 01 tủ lạnh, 01 tivi Sony 50inch; 01 xe máy Future, 01 tủ ly, 02 tủ áo. Tổng tài sản có giá trị 207.000.000 đồng hiện do ông P đang quản lý. Bà yêu cầu chia hai tài sản chung và nhận tài sản để sử dụng gồm nhà và tài sản trong nhà, ông P nhận võ lãi và máy xe.

Tại phiên hòa giải bà với ông P đã tự thỏa thuận bà nhận nhà và tài sản trong nhà, ông P nhận võ và máy xe, đất bán để trả nợ nên bà không yêu cầu chia tài sản mà để tự thực hiện phân chia với nhau.

Về vay nợ: nợ chung tổng 199.000.000 đồng và 07 chỉ vàng 24K bao gồm: Nợ bà Võ Thị L 27.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k, bà đồng ý trả cho bà L 05 chỉ vàng 24K; Nợ Nguyễn Tuấn K 40.000.000 đồng; Nợ Ngân hàng X xã hội 44.000.000 đồng (chưa bao gồm lãi); Nợ bà H 02 chỉ vàng 24k; Nợ bà Cao Thị T1 02 chung hụi chết với số tổng số tiền hụi 48.000.000 đồng và nợ bà Trịnh Thị M (bà Trịnh Kim P1) một chung hụi chết với số tiền 40.000.000 đồng. Bà yêu cầu chia đôi số nợ. Đối với nợ Ngân hàng X do Ngân hàng có yêu cầu bà trả số nợ này nên bà đồng ý tự mình trả cho Ngân hàng, không yêu cầu ông P cùng trả nợ.

- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Huỳnh Văn P trình bày: Vợ chồng chung sống với nhau, nhưng khi vợ bỏ đi thì đem theo tài sản trong nhà gồm 01 xe máy, 01 bằng khoán đất và vàng nữ trang. Việc vợ bỏ nhà đi ông có báo Công an lập biên bản. Nay vợ yêu cầu cầu ly hôn thì ông cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 03 con chung, con chung có nguyện vọng sống với ai thì người đó nuôi. Bà T yêu cầu được nuôi Huỳnh Cao M thì ông đồng ý

Về tài sản chung: Có 01 phần đất diện tích 1.446,7 m² tại ấp 10, xã K, huyện U ông yêu cầu bán để trả nợ khoảng hơn 60 triệu. 01 căn nhà cất trên đất mượn của bà Ngô Kim T, căn nhà ông đồng ý giao cho vợ ở cùng với tài sản trong nhà. Ông nhận võ lãi và máy xe. Các tài sản vợ mang đi gồm xe máy và vàng nữ trang thì ông không yêu cầu chia. Về phần đất và nhà, tài sản trong nhà ông đồng ý tự chia với bà T.

Về nợ: Bà T kê khai nợ bà L số tiền 27.000.000 đồng ông đồng ý trả một nửa; Nợ bà H 2 chỉ vàng 24K, ông đồng ý trả 1 chỉ; Nợ Kiệt số tiền 36.000.000 đồng nhưng Kiệt xác định nợ 40.000.000 đồng thì ông cũng đồng ý trả một nửa. Nợ hụi bà Mười và bà T1 ông đồng ý trả 1 nửa. Số nợ này ông trả từ từ khi đi làm có tiền. Nợ Ngân hàng X ông không biết, không đồng ý trả theo yêu cầu của bà T.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Võ Thị L trình bày: Vợ chồng T -P có nợ bà 5 chỉ vàng và số tiền nhưng không nhớ bao nhiêu. Vàng T trả cho bà nên bà không có yêu cầu. Về số tiền P trả một nửa, T trả 1 nửa thì bà đồng ý, không yêu cầu trong vụ án này, tự thanh toán cho nhau.

2. Bà Nguyễn Thị H trình bày: Vợ chồng T -P có mượn bà 02 chỉ vàng 24k, mỗi người trả cho bà 01 chỉ thì bà đồng ý. Bà không yêu cầu ghi nhận trong vụ án này, để tự trả cho nhau.

3. Anh Nguyễn Tuấn K trình bày: anh là cháu ruột của bà T, vợ chồng có mượn của anh 40.000.000 đồng đây là tiền đi biển của anh. Nay mỗi người đồng ý trả lại cho anh 20.000.000 đồng thì anh đồng ý và không yêu cầu ghi nhận trong vụ án này, để tự trả cho nhau.

4. Bà Cao Thị T1 trình bày: T có tham gia hụi của bà làm chủ, tham gia nhiều lần, khi vợ chồng còn chung sống thì vợ chồng cùng đóng hụi. Hiện vợ chồng còn 02 chung hụi chết với tổng số tiền hụi 48.000.000 đồng tính đến khi mãn hụi. Vợ chồng thỏa thuận mỗi người trả cho bà một nửa bà đồng ý. Bà không yêu cầu trong vụ án này, tự thanh toán cho nhau.

5. Bà Trịnh Kim P1 trình bày: Tên giấy tờ của bà là P1, tên gọi khác M, bà T không biết nên ghi là Trịnh Thị M, bà làm chủ hụi vợ chồng T -P có tham gia một chung hụi và đã hót lại hụi 5.000.000 đồng, số tiền hụi còn thiếu tính đến khi mãn hụi là 40.000.000 đồng. Vợ chồng thỏa thuận mỗi người trả một nửa số tiền hụi cho bà thì bà đồng ý, không yêu cầu trong vụ án này, tự thanh toán cho nhau.

- Đơn yêu cầu ngày 01/4/2024, Ngân hàng chính xã hội có yêu cầu bà T trả

khoản nợ cho Ngân hàng do bà T là người đứng hợp đồng vay.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng các Điều 9, 51 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Cao Thị T với ông Huỳnh Văn P. Con chung: Huỳnh Anh T2, sinh ngày 06/02/2002; Huỳnh Phương H2, sinh ngày 06/02/2002 đã trưởng thành nên không xem xét, giao Huỳnh Cao M, sinh ngày 02/6/2007 cho bà Cao Thị T tiếp tục nuôi dưỡng. Tài sản chung bà T không yêu cầu nên không xem xét. về nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét. Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp theo yêu cầu của bà Cao Thị T được xác định là tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn, chia tài sản khi ly hôn và thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện U, tỉnh C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng X, bà L, bà H, ông K, bà P1 có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt những người nêu trên theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung: Bà Cao Thị T và ông Huỳnh Văn P tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân của bà Cao Thị T và ông Huỳnh Văn P là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, bà T yêu cầu ly hôn, ông P đồng ý ly hôn. Cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, các đương sự thống nhất ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà T và ông P ly hôn.

- Về con chung: Huỳnh Anh T2, sinh ngày 06/02/2002; Huỳnh Phương H2, sinh ngày 06/02/2002 đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét, bà T và ông P thống nhất thỏa thuận để bà nuôi Huỳnh Cao M, sinh ngày 02/6/2007, xét thấy Huỳnh Cao M có khả năng lao động, việc bà T và ông P thỏa thuận giao con cho bà T nuôi phù hợp với quy định nên giao con chung tên Huỳnh Cao M cho bà T nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét. Ông P có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Tài sản chung: Bà T và ông P có các tài sản chung gồm 01 phần đất, 01 căn nhà và tài sản trong nhà tại ấp 10, xã K, huyện U, bà T đồng ý rút lại yêu cầu chia tài sản do đã tự thỏa thuận chia được với ông P nên Tòa án đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung, nếu có tranh chấp thì được khởi kiện thành vụ kiện khác.

- Về nợ chung: bà T và ông P thừa nhận có nợ các khoản nợ của bà L, bà H, ông K, bà P1 và các đương sự đã tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết trong cùng vụ án nên không xem xét, nếu có tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện vụ kiện khác.

Về nợ Ngân hàng X xã hội: Ngân hàng có yêu cầu bà T trả phần nợ cho Ngân hàng do bà T là người đứng hợp đồng, tại phiên tòa, bà T thừa nhận nợ và đồng ý trả cho Ngân hàng X xã hội, tuy nhiên, quá trình thụ lý, hòa giải Ngân

hàng X không có văn bản yêu cầu đối với phần nợ của bà T mà Ngân hàng có văn bản yêu cầu sau khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử nên không xem xét xem quyết trong vụ án này, nếu có tranh chấp thì Ngân hàng X xã hội được quyền khởi kiện vụ án khác.

Đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Cao Thị T phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; điểm c khoản 1 Điều 217 khoản 1, 2 Điều 227; khoản 1 Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị T được ly hôn với ông Huỳnh Văn P.

- Con chung: tên Huỳnh Anh T2, sinh ngày 06/02/2002; Huỳnh Phương H2, sinh ngày 06/02/2002, các con chung đã trưởng thành, có khả năng lao động nên không xem xét. Giao con chung tên Huỳnh Cao M, sinh ngày 02/6/2007 cho bà T nuôi dưỡng. Ông P có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Tài sản chung: Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bà Cao Thị T đối với ông Huỳnh Văn P. Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định.

- Nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

- Án phí dân sự sơ thẩm bà Cao Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng,

Bà Cao Thị T đã nộp tạm ứng án phí 3.611.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006051 ngày 23/11/2023 tại chi cục thi hành án dân sự huyện U được đối trừ chuyển thu án phí. Hoàn trả lại cho bà Cao Thị T số tiền 3.311.000 (Ba triệu ba trăm mười một ngàn) đồng.

- Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U;
- Chi cục THADS huyện U;
- Cơ quan thực hiện đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Việt Hằng